

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Lê Thị Ánh Tuyết

**CẠNH TRANH CHIẾN LƯỢC NGA - MỸ
TẠI TRUNG ĐÔNG TỪ NĂM 2000 ĐẾN NĂM 2024**

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Mã số: 9310601.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUAN HỆ QUỐC TẾ

HÀ NỘI - 2026

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: GVHD1: GS.TS. Phạm Quang Minh
GVHD2: PGS.TS. Ngô Minh Oanh

Phản biện: PGS.TS. Đặng Minh Đức

*Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ,
Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội Việt Nam*

Phản biện: PGS. TS. Đỗ Thị Thủy

Học viện Ngoại giao Việt Nam

Phản biện: PGS. TS. Nguyễn Xuân Trung

*Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi,
Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội Việt Nam*

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp ĐHQG chấm luận án tiến sĩ
họp tại: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN
vào hồi giờ ngày tháng năm 2026

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thư viện và Tri thức số, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Cuối thế kỷ XX, sự tan rã của trật tự hai cực Yalta đã mở ra một thời kỳ chuyển dịch sâu sắc trong cấu trúc quyền lực toàn cầu. Dù chiến tranh không còn là phương thức chủ đạo để xác lập vị thế, các cường quốc vẫn không ngừng cạnh tranh nhằm khẳng định ảnh hưởng trong một thế giới ngày càng đa cực. Trung Đông, với vị trí địa lý then chốt, nguồn tài nguyên dầu mỏ dồi dào và vai trò là điểm giao thoa của ba châu lục, trở thành tâm điểm của các cuộc đối đầu chiến lược, nổi bật là giữa Nga và Mỹ.

Khu vực Trung Đông không chỉ nổi bật bởi tiềm năng tài nguyên mà còn bởi những bất ổn kéo dài, từ xung đột tại Syria, vấn đề hạt nhân Iran đến tranh chấp Palestine - Israel. Những bất ổn này xuất phát từ cả nguyên nhân nội tại lẫn sự can thiệp của các thế lực bên ngoài, khiến môi trường cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc ngày càng phức tạp và khó dự báo.

Đối với Mỹ, Trung Đông luôn được xác định là trọng tâm trong chiến lược toàn cầu. Washington liên tục điều chỉnh chính sách để duy trì vị thế lãnh đạo, bảo vệ lợi ích chiến lược và ứng phó với sự nổi lên của các đối thủ mới hoặc các liên minh khu vực. Ngay cả khi có những chuyển hướng như chính sách “xoay trục” sang châu Á - Thái Bình Dương, Mỹ vẫn không thể tách rời khỏi các lợi ích cốt lõi tại Trung Đông.

Về phía Nga, sau giai đoạn khủng hoảng hậu Xô viết, Trung Đông dần trở lại là ưu tiên trong chiến lược phục hồi vị thế cường quốc của Moscow, đặc biệt từ năm 2000 dưới thời Tổng thống Putin. Nga không chỉ mở rộng hiện diện mà còn linh hoạt chuyển từ đối đầu sang hợp tác cùng có lợi, nhất là trong lĩnh vực năng lượng, nhằm củng cố ảnh hưởng và tạo thế cân bằng với Mỹ tại khu vực.

Những biến động của bối cảnh quốc tế và khu vực đã làm cho cạnh tranh Nga - Mỹ tại Trung Đông trở nên quyết liệt hơn, đồng thời tạo ra những tác động lan tỏa đến chính sách của các quốc gia nhỏ, trong đó có Việt Nam. Chính vì vậy, việc nghiên cứu sâu về cạnh tranh chiến lược Nga - Mỹ tại

Trung Đông không chỉ có ý nghĩa học thuật mà còn mang tính thực tiễn đối với hoạch định chính sách đối ngoại trong bối cảnh toàn cầu biến động hiện nay. Vì những lý do đó, nghiên cứu sinh lựa chọn “**Cạnh tranh chiến lược Nga - Mỹ tại Trung Đông từ năm 2000 đến năm 2024**” làm đề tài luận án tiến sĩ của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục tiêu chính của luận án là phân tích làm rõ bản chất và sự vận động của cạnh tranh chiến lược Nga - Mỹ từ năm 2000 đến hết năm 2024 thông qua lăng kính của chủ nghĩa hiện thực cấu trúc, từ đó đánh giá được tác động của quá trình cạnh tranh chiến lược Nga - Mỹ đối với bản thân hai nước, khu vực và thế giới, cũng như dự báo và đưa ra hàm ý chính sách cho các nước vừa và nhỏ, trong đó có Việt Nam.

Để đạt được mục đích trên, luận án sẽ tập trung thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

Một là, hệ thống hoá lại các khái niệm và thống nhất sử dụng các thuật ngữ liên quan đến cạnh tranh chiến lược dựa trên khung lý thuyết của chủ nghĩa hiện thực cấu trúc.

Hai là, phân tích quá trình triển khai chính sách để làm rõ sự vận động của cạnh tranh chiến lược giữa hai quốc gia Nga và Mỹ từ năm 2000 đến hết năm 2024 thông qua các khía cạnh về chính trị, kinh tế, an ninh - quân sự.

Ba là, đánh giá kết quả cạnh tranh Nga - Mỹ, mức độ tác động của cạnh tranh đối với Mỹ, Nga, với khu vực và thế giới, đồng thời dự báo được triển vọng cạnh tranh và hàm ý cho các quốc gia vừa và nhỏ cũng như bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong quá trình cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn như Nga và Mỹ.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là quá trình cạnh tranh chiến lược Nga - Mỹ ở khu vực Trung Đông thể hiện qua các công cụ quyền lực như quân sự, kinh tế, ngoại giao, công nghệ nhằm thay đổi tương quan quyền lực khu vực.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

3.2.1. Phạm vi không gian: khu vực Trung Đông là địa bàn phân tích để làm rõ sự cạnh tranh chiến lược giữa Nga và Mỹ.

3.2.2. Phạm vi thời gian: tập trung từ năm 2000 đến hết năm 2024.

3.2.3. Phạm vi nội dung:

Luận án sẽ tập trung nghiên cứu sự cạnh tranh chiến lược của Nga và Mỹ tại Trung Đông thông qua các vấn đề chính trị, kinh tế, và an ninh - quân sự để xác lập vị thế và vai trò của nước lớn tại khu vực.

4. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở phương pháp luận

Luận án được nghiên cứu chủ yếu dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Ngoài ra, Tư tưởng Hồ Chí Minh cũng được đưa vào làm cơ sở cho phương pháp luận của luận án.

4.2. Cơ sở lý thuyết

Chủ nghĩa hiện thực cấu trúc để làm tiền đề phân tích sự vận động của cạnh tranh Nga - Mỹ tại Trung Đông.

4.3. Cách tiếp cận

Thứ nhất, tiếp cận dưới góc độ lịch sử để xem xét một quá trình phát triển có tính liên tục, kế thừa từ giai đoạn cạnh tranh cường quốc trước đó.

Thứ hai, tiếp cận dưới góc độ địa chính trị về vị trí và không gian và nguồn lực của cạnh tranh.

Thứ ba, cách tiếp cận từ lý thuyết trò chơi lặp: phân tích tương tác của chiến lược theo thời gian.

4.4. Phương pháp nghiên cứu

Dựa trên cơ sở của phương pháp luận nêu trên, luận án áp dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như sau:

- Nhóm phương pháp chuyên ngành quan hệ quốc tế:

- + Phương pháp phân tích tổng thể - toàn cục
- + Phương pháp phân tích lịch sử

- + Phương pháp phân tích chính sách đối ngoại
- + Phương pháp phân tích kinh tế
- + Phương pháp so sánh tương quan lực lượng
- + Phương pháp dự báo

- Các phương pháp liên ngành trong khoa học xã hội như:

- + Phương pháp nghiên cứu của ngành khoa học lịch sử
- + Phương pháp nghiên cứu chính trị
- + Phương pháp kinh tế học
- + Phương pháp tổng hợp, phân tích và so sánh

5. Đóng góp mới của luận án

Trên cơ sở kế thừa và phát triển các thành quả nghiên cứu từ các công trình có liên quan của các học giả trong và ngoài nước. Luận án có những đóng góp sau:

Về mặt khoa học, đề tài cung cấp một bức tranh tổng quan về sự vận động trong quá trình cạnh tranh Nga - Mỹ tại khu vực đầy bất ổn đan xen này.

Về mặt thực tiễn, dựa trên những kết quả nghiên cứu của luận án, tác giả có thể đưa vào giảng dạy, nghiên cứu ở các học phần liên quan cho sinh viên chuyên ngành quan hệ quốc tế, quốc tế học, và các ngành có liên quan.

6. Bố cục của luận án

Bên cạnh phần Mở đầu và Kết luận, Phần nội dung của luận án sẽ tập trung vào 4 chương chính như sau:

Chương 1. Tổng quan lịch sử nghiên cứu vấn đề

Chương 2. Cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của quá trình cạnh tranh chiến lược Nga - Mỹ tại Trung Đông (2000 - 2024)

Chương 3. Cạnh tranh chiến lược Nga - Mỹ tại Trung Đông trong giai đoạn 2000 - 2024 qua các lĩnh vực

Chương 4. Tác động và dự báo xu hướng của cạnh tranh chiến lược Nga - Mỹ tại Trung Đông. Hàm ý cho Việt Nam

Chương 1. TỔNG QUAN LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ

1.1. Công trình nghiên cứu về khu vực Trung Đông

Khu vực Trung Đông từ lâu đã là tâm điểm chú ý của các học giả trong và ngoài nước nhờ vị trí địa chiến lược quan trọng, trữ lượng dầu mỏ phong phú và lịch sử đầy biến động với các xung đột chính trị, tôn giáo. Các công trình nghiên cứu về Trung Đông được phân loại theo các nhóm chủ đề chính nhằm cung cấp cái nhìn toàn diện, từ đó làm nền tảng cho việc phân tích cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, đặc biệt là Nga và Mỹ, tại khu vực này.

1.2. Những công trình về chính sách của Mỹ tại khu vực Trung Đông

Các nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Mỹ tập trung vào các lĩnh vực như đối ngoại, kinh tế, an ninh và xã hội. Trong đó, các tác giả cho rằng Mỹ duy trì vai trò bá quyền toàn cầu sau Chiến tranh Lạnh, đặc biệt tại Trung Đông thông qua các chiến lược ngăn chặn các đối thủ như Nga và Trung Quốc. Đối với vấn đề kinh tế, Mỹ củng cố ảnh hưởng kinh tế của mình thông qua thương mại toàn cầu và kiểm soát các tuyến dầu mỏ trong khu vực, đặc biệt là nhờ liên minh với các nước vùng Vịnh.

1.3. Những công trình nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Nga đối với Trung Đông

Các học giả đều phân tích cụ thể sự thay đổi trong chính sách đối ngoại của Nga đối với những khu vực trọng yếu trên thế giới từ sau 2000. Các công trình này mang đến cái nhìn toàn diện và đa chiều về chính sách đối ngoại của Nga tại Trung Đông, từ lịch sử, hiện tại đến tương lai. Thông qua việc cung cấp các thông tin quý báu và các khuyến nghị hữu ích làm cơ sở tiền đề để luận án có thể tiếp thu và phát triển thành công trình mang một cái nhìn rõ ràng và cụ thể hơn về sự cạnh tranh chiến lược giữa Nga và Mỹ tại khu vực này từ năm 2000 đến 2024.

1.4. Những công trình nghiên cứu về cạnh tranh Nga - Mỹ tại Trung Đông

Cạnh tranh chiến lược là một khái niệm cốt lõi trong quan hệ quốc tế, phản ánh sự ganh đua giữa các quốc gia nhằm gia tăng quyền lực, tầm ảnh

hưởng và đảm bảo an ninh trong một hệ thống toàn cầu không có chính quyền trung ương. Đã có nhiều công trình quan trọng định hình cách hiểu về cạnh tranh chiến lược, bao gồm cả các lý thuyết cổ điển và những phân tích hiện đại, từ đó cung cấp nền tảng cho luận án.

Bên cạnh đó, bằng cách nghiên cứu từng động thái của các cường quốc lớn trong khu vực, công trình đã đưa ra những phân tích cụ thể về sự đối đầu và cạnh tranh quyền lực giữa Mỹ, Nga và Trung Quốc trong khu vực Trung Đông bao gồm các chiến lược ngoại giao, quân sự và kinh tế, từ đó đưa ra những tác động của sự cạnh tranh quyền lực này đối với an ninh, chính trị và kinh tế của các quốc gia trong khu vực.

1.5. Nhận xét chung về các công trình và khoảng trống nghiên cứu

1.5.1. Nhận xét chung

Đầu tiên, các nghiên cứu kinh điển về cạnh tranh chiến lược đã đặt nền móng lý thuyết vững chắc cho luận án thông qua lăng kính chủ nghĩa hiện thực.

Ngoài ra, các nghiên cứu hiện đại đã bổ sung các yếu tố mới, làm phong phú thêm phạm vi lý thuyết để luận án xem xét cạnh tranh chiến lược dưới góc độ đa chiều.

Thứ ba, các công trình đã làm nổi bật chiến lược chính trị, kinh tế, an ninh-quân sự của Nga và Mỹ tại Trung Đông.

Bên cạnh đó, các nghiên cứu trực tiếp về sự cạnh tranh giữa Nga và Mỹ tại Trung Đông đã cung cấp nền tảng ban đầu để luận án phát triển sâu hơn

1.5.2. Khoảng trống nghiên cứu

Thứ nhất, chưa có nhiều nghiên cứu cung cấp một bức tranh tổng thể về sự cạnh tranh Nga - Mỹ tại Trung Đông trong khoảng thời gian dài từ năm 2000 đến năm 2024.

Thứ hai, các nghiên cứu trước đây thường tập trung chủ yếu vào khía cạnh chính trị và quân sự, trong khi các lĩnh vực kinh tế (thị trường năng lượng) và công nghệ (an ninh mạng, công nghệ không gian) - những yếu tố

ngày càng trở nên quan trọng trong cạnh tranh chiến lược hiện đại - chỉ được đề cập sơ sài.

Thứ ba, gần như chưa có công trình nào đánh giá một cách toàn diện và sâu sắc các hệ quả của sự đối đầu này đối với Nga, Mỹ, các quốc gia Trung Đông, và trật tự thế giới trong bối cảnh đa cực đang hình thành.

Cuối cùng, có rất ít các công trình nghiên cứu hiện tại đưa ra những dự báo cụ thể về xu hướng cạnh tranh Nga - Mỹ trong tương lai, cũng như chưa đề xuất các hàm ý chính sách thiết thực cho các quốc gia nhỏ, đặc biệt là Việt Nam, trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn ngày càng gia tăng.

Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA QUÁ TRÌNH CẠNH TRANH CHIẾN LƯỢC NGA - MỸ TẠI TRUNG ĐÔNG (2000 - 2024)

2.1. Một số khái niệm

2.1.1. Địa chính trị

Khái niệm địa chính trị, vốn đã trở thành một trụ cột quan trọng trong nghiên cứu quan hệ quốc tế, tập trung phân tích cách các yếu tố địa lý - như vị trí, tài nguyên, và không gian lãnh thổ - chi phối chính sách, xu thế và thái độ của các quốc gia trong bối cảnh toàn cầu. Ra đời từ đầu thế kỷ XX, địa chính trị đã phát triển qua nhiều xu hướng lý thuyết, bao gồm địa chính trị hợp nhất, phân mảnh, văn hóa, tài nguyên và biển đảo, phản ánh sự đa dạng trong cách tiếp cận mối quan hệ giữa không gian và quyền lực. Đặc biệt, lý thuyết sức mạnh biển của Alfred Mahan và vùng đất trái tim (Heartland) của Halford Mackinder, cùng với quan điểm về vành đai (Rimland) của Nicholas Spykman, cung cấp nền tảng cho các chiến lược bành trướng và kiểm soát không gian. Trong xu hướng địa chính trị tài nguyên, Michael T. Klare nhấn mạnh tài nguyên như dầu mỏ và khí đốt là nguyên nhân sâu xa của xung đột, trong khi Zbigniew Brzezinski, trong “The Grand Chessboard” (1997), xem Trung Đông là khu vực then chốt để duy trì quyền lực toàn cầu, đòi hỏi Mỹ

phải kiểm soát nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của Nga và Trung Quốc. Như vậy, các lý thuyết này tạo cơ sở khoa học để phân tích cạnh tranh chiến lược Nga - Mỹ tại Trung Đông, nơi địa chính trị đóng vai trò quyết định trong việc định hình trật tự quốc tế.

2.1.2. Quan niệm Trung Đông

Trong khuôn khổ nghiên cứu quan hệ quốc tế, khái niệm địa chính trị về khu vực Trung Đông được xây dựng dựa trên cơ sở lịch sử và các định nghĩa đa dạng phản ánh vị trí địa lý, văn hóa, và vai trò chiến lược của khu vực này. Trong bối cảnh nghiên cứu cạnh tranh chiến lược Nga - Mỹ của luận án, Trung Đông được giới hạn ở các quốc gia trọng yếu như Syria, Iraq, Israel, Palestine và các nước vùng Vịnh, nơi các yếu tố địa chính trị, quân sự, và kinh tế trở thành nền tảng phân tích mối quan hệ quyền lực giữa hai cường quốc.

2.1.3. Cạnh tranh chiến lược

Trong nghiên cứu quan hệ quốc tế, cạnh tranh chiến lược được xem là một phạm trù cốt lõi, phản ánh sự vận động không ngừng của hệ thống quốc tế và đặc biệt thu hút sự quan tâm của các học giả khi phân tích các mối quan hệ giữa các cường quốc. Từ góc độ chủ nghĩa hiện thực, cạnh tranh được lý giải như một hệ quả tất yếu của bản chất ích kỷ, tư lợi của con người trong môi trường vô chính phủ, nơi các quốc gia không ngừng tối đa hóa quyền lực để bảo vệ lợi ích quốc gia (Hoàng Khắc Nam, 2016; Nguyễn Thái Yên Hương, 2017). Trong đó, cạnh tranh có thể diễn ra dưới dạng “trò chơi có tổng bằng không” (zero-sum game), với hai chiến lược chính: chiến lược hoàn hảo - mang lại lợi ích tối đa bất chấp phản ứng đối thủ, và chiến lược thông minh - giảm thiểu rủi ro để đạt mục tiêu an toàn (Đào Minh Hồng & Lê Hồng Hiệp, 2018).

Khi kết hợp với cạnh tranh, “cạnh tranh chiến lược” được các học giả như Muhammad Irfan (2014), Mazarr et al. (2018), và Nguyễn Thị Hải Yến (2016) định nghĩa như một quá trình đối kháng dài hạn giữa các cường quốc, tập trung vào việc tối đa hóa lợi ích kinh tế, chính trị, quân sự, đồng thời hạn

chế ảnh hưởng của đối thủ trong các khu vực chiến lược. Đặc biệt, Chiến lược An ninh Quốc gia (2017) và Chiến lược Quốc phòng (2018) của Mỹ nhấn mạnh sự trở lại của cạnh tranh nước lớn, với Nga và Trung Quốc là thách thức chính, đòi hỏi các chính sách có tính toán để duy trì vị thế toàn cầu.

2.2. Khung lý thuyết

2.2.1. Chủ nghĩa hiện thực cấu trúc

Chủ nghĩa hiện thực cấu trúc phát triển từ chủ nghĩa hiện thực cổ điển, với các tư tưởng nền tảng từ Thucydides, Machiavelli, Hobbes và các học giả tiền bối như Clausewitz, Carr. Thucydides nhấn mạnh nguyên nhân chiến tranh xuất phát từ bản chất quan hệ chính trị và sự lo sợ trước sự trỗi dậy của đối thủ. Machiavelli và Hobbes tập trung vào vai trò của quyền lực và môi trường vô chính phủ, coi quyền lực là công cụ thiết yếu để đảm bảo an ninh và sự tồn tại của quốc gia.

Sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, Hans Morgenthau hệ thống hóa chủ nghĩa hiện thực cổ điển, khẳng định lợi ích vị kỷ và mâu thuẫn quyền lực là bản chất của quan hệ quốc tế. Khác với chủ nghĩa hiện thực cổ điển chỉ tập trung vào quốc gia như chủ thể duy nhất, chủ nghĩa hiện thực cấu trúc của Kenneth Waltz (1979) mở rộng phân tích lên cấp độ hệ thống quốc tế, xem cấu trúc hệ thống là yếu tố chi phối hành vi các quốc gia.

Thông qua lăng kính của chủ nghĩa hiện thực cấu trúc, chương này đã làm sáng tỏ cách bản chất vô chính phủ của hệ thống quốc tế và thúc đẩy hai cường quốc này cạnh tranh nhằm bảo vệ lợi ích và gia tăng ảnh hưởng. Theo quan điểm của lý thuyết này, cạnh tranh chiến lược được hiểu là cuộc ganh đua giữa các cường quốc nhằm tối đa hóa lợi ích quốc gia trong một hệ thống quốc tế vô chính phủ, nơi không tồn tại một quyền lực trung ương điều phối hành vi của các quốc gia.

2.2.2. Cân bằng quyền lực

Trong nghiên cứu quan hệ quốc tế, khái niệm cân bằng quyền lực (balance of power) giữ vai trò trung tâm trong khuôn khổ lý thuyết chủ

nghĩa hiện thực, được xem như một cơ chế quan trọng định hình trật tự quốc tế. Theo Đào Minh Hồng và Lê Hồng Hiệp (2018), cân bằng quyền lực là trạng thái trong hệ thống quốc tế, nơi không quốc gia nào có thể áp đảo các quốc gia khác, được duy trì thông qua việc hình thành các liên minh hoặc đối thủ có sức mạnh tương đương nhằm đối phó với các thế lực vượt trội. Trường phái hiện thực phòng thủ, đại diện bởi Stephen Waltz (1985), lập luận rằng trạng thái cân bằng quyền lực mang lại lợi ích lâu dài, khuyến khích các quốc gia áp dụng chiến thuật phòng thủ ôn hòa và kiềm chế, tránh kích động liên minh đối kháng qua các chính sách đe dọa. Từ đó, Waltz phát triển lý thuyết “cân bằng mối đe dọa” (balance of threat), cho rằng các quốc gia cân nhắc không chỉ sức mạnh mà còn ý định tấn công, địa lý và mối đe dọa từ đối thủ, như trong trường hợp Nga lo ngại chính sách hướng Đông của Mỹ, hay các nước Trung Đông linh hoạt liên minh với cả Nga và Mỹ để bảo vệ lợi ích.

Ngược lại, trường phái hiện thực tấn công (offensive realism), với John Mearsheimer làm đại diện, nhấn mạnh rằng các quốc gia luôn tìm cách tối đa hóa quyền lực để đảm bảo an ninh và chiếm ưu thế, dẫn đến khái niệm “cân bằng khơi xa” (offshore balancing). Theo quan điểm này, các cường quốc như Nga và Mỹ tại Trung Đông kiểm soát căng thẳng và tránh xung đột trực tiếp, nhờ đó duy trì sự ổn định khu vực. Trong bối cảnh cạnh tranh Nga - Mỹ tại Trung Đông (2000-2024), khái niệm này được áp dụng để phân tích cách Mỹ củng cố liên minh với Israel và Ả Rập Saudi, đồng thời triển khai quân sự, trong khi Nga thách thức qua can thiệp Syria (2015) và hợp tác với Iran. Điều này không chỉ phản ánh mâu thuẫn lợi ích ngắn hạn mà còn thể hiện tham vọng định hình cấu trúc quyền lực toàn cầu, với Trung Đông là đấu trường chiến lược then chốt.

2.2.3. Lợi ích quốc gia

Khái niệm lợi ích quốc gia đóng vai trò cốt lõi trong việc giải thích hành vi của các quốc gia trong quan hệ quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh cạnh

tranh chiến lược giữa các cường quốc và được nhấn mạnh bởi các nhà lý thuyết chủ nghĩa hiện thực. Hans Morgenthau (1948) xem lợi ích quốc gia là mục tiêu trung tâm của chính sách đối ngoại, gắn liền với quyền lực, trong khi Kenneth Waltz (1979) bổ sung rằng các quốc gia hành động để tối đa hóa an ninh và quyền lực trong một hệ thống vô chính phủ. Áp dụng vào cạnh tranh Nga - Mỹ tại Trung Đông, lợi ích quốc gia giải thích chiến lược của Mỹ, tập trung vào an ninh năng lượng, hỗ trợ Israel, và chống khủng bố (John Mearsheimer, 2001), đối lập với Nga, coi khu vực là bàn đạp khôi phục ảnh hưởng qua hợp tác với Syria và Iran (Dmitri Trenin, 2016), đặc biệt qua can thiệp quân sự tại Syria từ 2015. Theo Robert Gilpin (1981), cuộc đối đầu này không chỉ xoay quanh lợi ích kinh tế hay chính trị mà còn là nỗ lực định hình trật tự quyền lực toàn cầu, với Mỹ bảo vệ trật tự đơn cực và Nga thúc đẩy đa cực hóa, qua đó khẳng định vai trò then chốt của lợi ích quốc gia trong hành vi chiến lược của các cường quốc.

2.3. Vị thế địa chính trị của Trung Đông

Ngoài việc xây dựng khung lý thuyết, chương này còn phân tích các yếu tố nội tại chi phối chính sách đối ngoại của hai cường quốc. Đối với Nga, quá trình khôi phục vị thế cường quốc dưới sự lãnh đạo của Tổng thống Vladimir Putin, đặc biệt được định hướng bởi Học thuyết Đối ngoại năm 2000, đã thúc đẩy sự hiện diện ngày càng rõ nét của Moscow tại Trung Đông. Trong khi đó, Hoa Kỳ trải qua nhiều giai đoạn điều chỉnh chính sách đối ngoại, từ chiến lược chống khủng bố sau sự kiện 11/9 đến chính sách xoay trục sang châu Á dưới thời Tổng thống Obama. Tuy nhiên vẫn duy trì cam kết sâu rộng tại Trung Đông thông qua các liên minh khu vực và sự hiện diện quân sự. Những yếu tố nội tại này, khi kết hợp với các biến động ngoại cảnh như tình hình bất ổn chính trị tại Trung Đông, đã tạo nên một bối cảnh phức tạp cho cuộc cạnh tranh chiến lược giữa hai quốc gia.

2.4. Bối cảnh quốc tế, khu vực và quan hệ Nga – Mỹ từ năm 1991 đến năm 2000

2.4.1. Tình hình thế giới

Sau Chiến tranh Lạnh, sự tan rã của Liên bang Xô Viết năm 1991 đánh dấu sự chấm dứt trật tự hai cực, mở ra một giai đoạn chuyển đổi từ đơn cực sang đa cực (Trần Bá Khoa, 2008). Dù Mỹ vẫn duy trì vị thế cường quốc thống trị về kinh tế, chính trị, và quân sự, xu hướng hợp tác và cạnh tranh kinh tế - chính trị đã trở thành phương thức chủ đạo trong quan hệ quốc tế, thay thế mô hình đối đầu quân sự vốn gây tổn thất nặng nề như trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh (Lý Thực Cốc, 1996). Tuy nhiên, thế giới hiện nay đối mặt với những thách thức phức tạp, bao gồm các xung đột nội bộ tại châu Âu, châu Á, và đặc biệt Trung Đông, nơi mâu thuẫn tôn giáo, sắc tộc, và tranh giành tài nguyên vẫn âm ỉ (Center, 2014). Theo Joseph Nye (2012), hơn 95% trong số 111 xung đột từ sau Chiến tranh Lạnh là nội chiến, nhiều cuộc bị quốc tế hóa do sự can thiệp của các cường quốc, làm gia tăng bất ổn toàn cầu. Bên cạnh đó, sự biến động của các liên minh như NATO, EU, và BRICS, cùng sự ra đời của các tổ chức như SCO, AU, GCC, và EAEU từ sau năm 2000, phản ánh xu hướng đa cực hóa, tạo ra cả cơ hội và thách thức cho an ninh khu vực. Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung từ 2018, khủng hoảng kinh tế sau COVID-19, và Cách mạng Công nghiệp 4.0 với sự gia tăng 47% người dùng Internet dự kiến từ 2024 đến 2029 (Pelchen, 2024) đã thúc đẩy cạnh tranh công nghệ và an ninh mạng, đồng thời làm nổi bật các vấn đề toàn cầu như cạn kiệt tài nguyên và biến đổi khí hậu. Đặc biệt, xung đột Nga - Ukraine đã nâng cao vai trò của Trung Đông trong năng lượng, buộc Mỹ và Nga điều chỉnh chiến lược trước sự trỗi dậy của Trung Quốc qua Sáng kiến Vành đai và Con đường, tạo ra một bối cảnh thế giới vừa hợp tác vừa đối đầu, đầy bất ổn nhưng tiềm ẩn cơ hội phát triển.

2.4.2. Tình hình Trung Đông

Kể từ năm 2000, Trung Đông tiếp tục là tâm điểm của bất ổn do các yếu tố như xung đột tôn giáo, mâu thuẫn lịch sử, và tham nhũng chính trị. Chiến tranh Iraq (2003) gây ra hỗn loạn, làm trỗi dậy các nhóm phiến quân

như IS và tạo cơ hội cho Iran mở rộng ảnh hưởng, đồng thời làm suy giảm uy tín Mỹ do chi phí khổng lồ và phản ứng quốc tế tiêu cực. Tiến trình hòa bình Israel - Palestine rơi vào bế tắc, với bạo lực leo thang tại Gaza từ 2021, trong khi Mỹ duy trì chiến lược chống khủng bố và bảo vệ đồng minh, làm phức tạp tình hình (Lê Xuân Thuận, 2022). JCPOA (2015) rơi vào đình trệ do Mỹ rút lui năm 2018, tái áp đặt trừng phạt, khiến Iran tăng làm giàu uranium và giảm hợp tác với IAEA, trong khi sự thiếu tin tưởng và can thiệp từ Israel, Ả Rập Saudi cản trở đàm phán. Sau Mùa xuân Ả Rập, nội chiến Syria và sự trỗi dậy của IS tiếp tục đe dọa an ninh khu vực, với tàn dư khủng bố vẫn hoạt động tại Afghanistan (Nguyễn Thanh Hiền, 2018). Sự hiện diện của các cường quốc như Mỹ, Nga, và Trung Quốc, cùng các đồng minh mới (Trung - Nga, Trung - Iran, hay Ả Rập Saudi - UAE), đã thay đổi cán cân quyền lực, dẫn đến mâu thuẫn và hợp tác đan xen, ảnh hưởng sâu sắc đến thị trường dầu mỏ và an ninh toàn cầu.

2.4.3. Quan hệ Nga - Mỹ từ năm 1991 đến năm 2000

Sau Chiến tranh Lạnh, quan hệ Nga - Mỹ chuyển từ đối đầu sang hợp tác, với Tổng thống Bill Clinton và Boris Yeltsin thúc đẩy quan hệ đối tác qua các hiệp định như Hiến chương Washington (1992) và Tuyên bố Vancouver (1993), tập trung vào kinh tế, an ninh, và cải cách chính trị (Hà Mỹ Hương, 2003). Hợp tác kiểm soát vũ khí hạt nhân qua START I (1991), START II (1993), và START III (2002) giúp giảm căng thẳng và loại bỏ vũ khí lạc hậu, củng cố an ninh toàn cầu. Mỹ hỗ trợ Nga vượt qua khủng hoảng tài chính 1998 thông qua IMF (22,6 tỷ USD), Ngân hàng Thế giới, và viện trợ kỹ thuật, giúp Nga phục hồi kinh tế. Tuy nhiên, sự mở rộng NATO về phía Đông, đặc biệt cuộc không kích Nam Tư (1999) và việc Séc, Hungary, Ba Lan gia nhập NATO, làm gia tăng căng thẳng, đặt nền móng cho cạnh tranh chiến lược sau này. Sự sụp đổ của Liên Xô tạm thời giảm ảnh hưởng Nga, nhưng dưới thời Vladimir Putin, Nga bắt đầu tái khẳng định vai trò tại Trung Đông, thách thức trật tự do Mỹ dẫn dắt, tạo bối cảnh quan trọng cho cuộc cạnh tranh từ 2000 đến 2024.

Chương 3. TRUNG ĐÔNG TRONG CẠNH TRANH CHIẾN LƯỢC NGA - MỸ TỪ NĂM 2000 ĐẾN NĂM 2024

3.1. Sự can dự của Nga và Mỹ đối với Trung Đông

3.1.1. Sự can dự của Mỹ tại khu vực từ sau năm 2000

Giai đoạn 2000-2009: Chính quyền George W. Bush: Sau vụ khủng bố 11/9/2001, Mỹ phát động “Chiến tranh chống khủng bố”, duy trì sự hiện diện quân sự tại các nước vùng Vịnh.

Giai đoạn 2009-2017: Chính quyền Barack Obama chuyển từ can thiệp quân sự sang ngoại giao và hợp tác đa phương.

Giai đoạn 2017-2020: Chính quyền Donald Trump đã rút khỏi JCPOA (2018), áp dụng chính sách “áp lực tối đa” với Iran qua trừng phạt kinh tế.

Giai đoạn 2020-2024: Chính quyền Joe Biden tập trung vào ngoại giao, nhân đạo và ổn định khu vực.

Như vậy, từ năm 2000 đến 2024, chính sách Mỹ tại Trung Đông đã chuyển từ can thiệp quân sự (dưới thời Tổng thống Bush) sang ngoại giao đa phương (Tổng thống B. Obama), đến thực dụng song phương (Tổng thống D. Trump), và cuối cùng là kết hợp ngoại giao-nhân đạo (dưới thời J. Biden).

3.1.2. Sự can dự của Nga tại khu vực từ sau năm 2000

Trong khi đó, chính sách của Nga tại Trung Đông từ năm 2000 đến 2024 có thể được thể hiện qua hai giai đoạn chính, phản ánh mục tiêu khôi phục vị thế cường quốc, đối trọng với Mỹ và bảo vệ lợi ích kinh tế.

Thứ nhất, giai đoạn 2000-2014 tập trung xây dựng nền tảng quan hệ với các quốc gia như Syria và Iran thông qua hợp tác quân sự (cung cấp vũ khí cho Syria) và năng lượng (dự án hạt nhân với Iran), nhằm thiết lập chỗ đứng tại khu vực.

Thứ hai, giai đoạn 2015-2024 đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong chính sách đối ngoại của Nga tại Trung Đông và Bắc Phi, khi Moscow tăng cường can thiệp quân sự và xây dựng các mối quan hệ chiến lược nhằm mở

rộng ảnh hưởng, đồng thời thách thức sự thống trị lâu dài của Mỹ tại khu vực. Cuộc can thiệp quân sự vào Syria từ tháng 9/2015 là minh chứng rõ nét cho tham vọng tái khẳng định vị thế siêu cường của Nga, với mục tiêu bảo vệ chính quyền Assad - đồng minh chiến lược lâu năm - và duy trì quyền tiếp cận các căn cứ quân sự trọng yếu như Tartus và Hmeimim. Dù tuyên bố chống khủng bố, thực chất Nga hướng tới bảo vệ lợi ích chính trị và quân sự lâu dài tại khu vực.

Bên cạnh đó, Nga thể hiện sự linh hoạt trong quan hệ với Thổ Nhĩ Kỳ - từ khủng hoảng sau vụ bắn rơi máy bay Su-24 năm 2015 đến hợp tác chiến lược sâu rộng trong các lĩnh vực chính trị, quân sự và năng lượng, điển hình là dự án đường ống TurkStream. Việc kéo Thổ Nhĩ Kỳ - thành viên NATO - vào quỹ đạo hợp tác đã tạo ra rạn nứt trong liên minh phương Tây, làm suy yếu ảnh hưởng của Mỹ tại Đông Địa Trung Hải. Ngoài ra, Nga tăng cường hợp tác kinh tế và năng lượng với Ả Rập Saudi, nhằm củng cố vị thế tại Trung Đông và giảm sự phụ thuộc của Riyadh vào Washington.

3.2. Thực tiễn cạnh tranh Nga - Mỹ tại Trung Đông từ năm 2000 đến năm 2024

3.2.1. Về chính trị

Về mặt chính trị, Mỹ đã duy trì vị thế thông qua các liên minh bền vững với Israel, Ả Rập Saudi và các nước Vùng Vịnh, tận dụng các sáng kiến như Thỏa thuận Abraham để củng cố ảnh hưởng. Trong khi đó, Nga xây dựng quan hệ chặt chẽ với Iran và Syria, khai thác các lỗ hổng trong chính sách cô lập của nước này để mở rộng phạm vi hiện diện. Các sự kiện như Mùa Xuân Ả Rập hay Nội chiến Syria đã làm nổi bật sự đối lập: các chính quyền Mỹ đã ủng hộ các phong trào dân chủ và thay đổi chế độ, còn Nga ưu tiên ổn định bằng cách hậu thuẫn các chính quyền đồng minh. Sự khác biệt này không chỉ định hình lại quan hệ chính trị khu vực mà còn làm sâu sắc thêm sự phân cực trong quan hệ quốc tế.

**Bảng 3.1: So sánh chiến lược chính trị của Mỹ và Nga
đối với Trung Đông từ 2000-2024**

Giai đoạn	Nga	Mỹ	Kết quả cạnh tranh
2000-2008	<ul style="list-style-type: none"> - Phản đối chiến tranh Iraq tại Liên Hợp Quốc - Duy trì quan hệ với Syria và Iran 	<ul style="list-style-type: none"> - Can thiệp quân sự vào Iraq (2003) - Thiết lập chính quyền mới tại Iraq - Dẫn dắt các cuộc đàm phán Israel-Palestine 	<ul style="list-style-type: none"> - Mỹ củng cố ảnh hưởng tại Iraq và Israel - Nga duy trì quan hệ với Syria và Iran
2009-2015	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ chính quyền Assad tại Liên Hợp Quốc - Tăng cường hỗ trợ quân sự cho Syria 	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ phong trào Mùa xuân Ả Rập - Can thiệp quân sự vào Libya (2011) - Hỗ trợ các nhóm nổi dậy tại Syria 	<ul style="list-style-type: none"> - Mỹ gặp khó khăn tại Syria và Libya - Nga bảo vệ thành công chính quyền Assad
2015-2024	<ul style="list-style-type: none"> - Can thiệp quân sự trực tiếp vào Syria (2015) - Thiết lập Tiến trình Astana - Mở rộng quan hệ với Thổ Nhĩ Kỳ và Libya 	<ul style="list-style-type: none"> - Dẫn đầu liên minh chống ISIS - Hỗ trợ lực lượng người Kurd (SDF) tại Syria 	<ul style="list-style-type: none"> - Nga mở rộng ảnh hưởng tại Syria, Thổ Nhĩ Kỳ, Libya - Mỹ mất dần vị thế tại Syria

(Nguồn: NCS tổng hợp)

3.2.2. Về an ninh - quân sự

Về an ninh - quân sự, từ sau năm 2000, Mỹ duy trì ưu thế vượt trội nhờ các căn cứ quân sự tại Qatar, Bahrain và UAE, trong khi chính quyền của Tổng thống Putin và Medvedev đều nỗ lực củng cố vị trí qua các căn cứ

ở Syria và quan hệ quốc phòng với Iran. Các cuộc xung đột ủy nhiệm, đặc biệt tại Syria, đã trở thành đấu trường chính cho sự đối đầu gián tiếp giữa hai cường quốc, đồng thời thúc đẩy chạy đua vũ trang trong khu vực. Sự can thiệp quân sự của Nga từ năm 2015 không chỉ hỗ trợ chính quyền Assad mà còn khẳng định vai trò quan trọng của Moscow tại Trung Đông, làm cho nước này thành một nhân tố không thể thiếu trong cục diện an ninh khu vực.

Bảng 3.2: So sánh chiến lược cạnh tranh an ninh quân sự giữa Nga và Mỹ tại Trung Đông từ năm 2000 đến năm 2024

Lĩnh vực	Nga	Mỹ
Sự hiện diện quân sự	2.000-3.000 quân tại Syria, căn cứ Tartus, Latakia	30.000 quân, căn cứ tại Qatar, Ả Rập Saudi, UAE
Hỗ trợ đồng minh	Bán vũ khí cho Iran, Syria, Ai Cập, hệ thống S-300, S-400	Viện trợ cho Israel (>3 tỷ USD/năm), bán vũ khí cho Ả Rập Saudi, UAE
Tham gia vào xung đột	Can thiệp Syria 2015, hỗ trợ Assad, tham gia đàm phán Astana	Dẫn đầu chống ISIS, xâm lược Iraq 2003, hỗ trợ phe đối lập tại Syria
Vấn đề khác	Khả năng thách thức với đồng minh vì quan hệ OPEC và Nga	Cố gắng duy trì và phát triển buôn bán vũ khí với Thổ Nhĩ Kỳ

(Nguồn: NCS tổng hợp)

3.2.3. Về kinh tế

Xét trên khía cạnh kinh tế, cạnh tranh tập trung vào việc kiểm soát thị trường năng lượng và thương mại vũ khí. Mỹ chú trọng đảm bảo nguồn cung dầu mỏ từ các nước Vùng Vịnh, trong khi Nga phát triển hợp tác năng lượng với Iran và Syria, đặc biệt sau các lệnh trừng phạt từ phương Tây. Những biến động như cuộc chiến giá dầu năm 2020 đã ảnh hưởng lớn đến chiến lược kinh tế của cả hai bên và các quốc gia Trung Đông. Sự phụ thuộc

vào dầu mỏ tiếp tục là yếu tố cốt lõi, vì vậy, cả hai cường quốc đều tìm cách tối đa hóa lợi ích từ tài nguyên này, từ đó làm gia tăng tính cạnh tranh kinh tế trong khu vực.

Bảng 3.3: So sánh chiến lược cạnh tranh kinh tế giữa Nga và Mỹ tại Trung Đông từ năm 2000 đến năm 2024

	Nga	Mỹ
Trữ lượng dầu mỏ kiểm soát	Hỗ trợ Iran duy trì 1,1 triệu thùng/ngày (IMF, 2014)	21 triệu thùng/ngày qua Eo biển Hormuz (EIA, 2023)
Dự án nổi bật	TurkStream: 31,5 tỷ m ³ khí đốt/năm (Gazprom, 2019)	Hỗ trợ các công ty dầu mỏ phương Tây (ExxonMobil, Chevron)
Doanh thu từ năng lượng	7 tỷ USD/năm từ TurkStream (Gazprom, 2021)	Không trực tiếp khai thác, nhưng kiểm soát tuyến vận chuyển (EIA, 2023)
Ảnh hưởng đến giá dầu	Hợp tác OPEC+ ổn định giá dầu (2016-2024) (OPEC+ Agreement, 2016)	Gây áp lực giảm xuất khẩu dầu Iran (2012-2018)

(Nguồn: NCS tổng hợp)

3.2.3. Về Khoa học công nghệ

Trong giai đoạn 2000-2024, KHCN đã nổi lên như một yếu tố trung tâm trong cuộc cạnh tranh chiến lược giữa Nga và Mỹ tại Trung Đông - khu vực mang ý nghĩa địa chính trị và tài nguyên quan trọng với sự phụ thuộc lớn vào dầu mỏ. Bên cạnh đó, Thông qua chuyển giao vũ khí, hợp tác R&D đến công nghệ không gian và an ninh mạng, cạnh tranh KHCN giữa Nga và Mỹ không chỉ phản ánh tham vọng bá quyền mà còn tác động sâu rộng đến an ninh và ổn định Trung Đông, ảnh hưởng đến cán cân quyền lực toàn cầu trong bối cảnh toàn cầu hóa.

3.3. Nhận xét chung

3.3.1. Tác động của các sự kiện lớn trong cạnh tranh Nga - Mỹ

Cạnh tranh chiến lược giữa Nga và Mỹ tại Trung Đông từ năm 2000 đến 2024 là một quá trình phức tạp, chịu ảnh hưởng sâu sắc từ nhiều sự kiện quan trọng. Trong đó có các sự kiện nổi bật nhất như Chiến tranh Iraq năm 2003, Mùa xuân Ả Rập, Cuộc nội chiến Syria năm 2011, Thỏa thuận hạt nhân Iran JCPOA năm 2015 và xung đột giữa Nga và Ukraine năm 2022. Những sự kiện này không chỉ định hình chiến lược của hai cường quốc tại Trung Đông mà còn phản ánh cuộc cạnh tranh quyền lực toàn cầu của hai bên.

3.3.2. Vai trò của đồng minh và đối tác chính của Nga và Mỹ

Mỹ gần như dựa vào Israel và Ả Rập Saudi để duy trì ảnh hưởng quân sự và kinh tế, trong khi Nga tận dụng Iran và Syria để đối trọng với phương Tây. Thổ Nhĩ Kỳ, với lập trường linh hoạt, vừa hợp tác vừa cạnh tranh với cả hai bên, làm tăng thêm sự phức tạp cho bức tranh địa chính trị Trung Đông. Sự tương tác giữa hai cường quốc và các đồng minh đã tạo nên một khu vực đầy cạnh tranh, phản ánh tính chất đa cực của quan hệ quốc tế đương đại.

Chương 4. TÁC ĐỘNG VÀ DỰ BÁO XU HƯỚNG CỦA CẠNH TRANH CHIẾN LƯỢC NGA - MỸ TẠI TRUNG ĐÔNG - HÀM Ý CHO VIỆT NAM

4.1. Tác động của cạnh tranh chiến lược Nga - Mỹ

4.1.1. Đối với quá trình cạnh tranh Nga – Mỹ

Các tác động không dừng lại ở việc làm thay đổi vị thế riêng rẽ của Nga hay Mỹ, mà quan trọng hơn, đã tái định hình chính quá trình cạnh tranh giữa hai cường quốc này. Cục diện cạnh tranh Nga – Mỹ ngày càng mang tính đa tầng và đa lĩnh vực. Những tác động này góp phần chuyển cạnh tranh Nga – Mỹ từ trạng thái đối đầu mang tính cục bộ sang một quá trình cạnh tranh phức hợp, đan xen giữa xung đột, kiềm chế và hợp tác chức năng hạn chế.

4.1.2. Đối với khu vực

Cạnh tranh Nga - Mỹ đã làm gia tăng bất ổn chính trị và xung đột vũ trang, thể hiện qua các cuộc chiến ủy nhiệm tại Syria và Yemen, cũng như sự trỗi dậy của các nhóm khủng bố như ISIS (hơn 3.000 vụ tấn công tại Syria và Iraq từ 2014-2024). Điều này dẫn đến khủng hoảng nhân đạo nghiêm trọng, với hơn 13 triệu người Syria cần hỗ trợ nhân đạo năm 2024 và làn sóng di cư gây áp lực cho các nước láng giềng như Thổ Nhĩ Kỳ, Jordan. Tuy nhiên, cạnh tranh cũng tạo cơ hội cho các quốc gia khu vực như Qatar hay UAE tận dụng sự đối đầu để cân bằng quan hệ và tối đa hóa lợi ích quốc gia.

4.1.3. Đối với thế giới

Diễn hình là quan hệ giữa hai quốc gia tại khu vực đã làm phức tạp thêm tình hình quan hệ quốc tế, gia tăng căng thẳng trong các tổ chức đa phương như Liên Hợp Quốc và ảnh hưởng đến thị trường năng lượng toàn cầu (giá dầu tăng lên 139 USD/thùng năm 2022). Sự phân cực liên minh (Nga - Iran, Mỹ - Ả Rập Saudi) và chạy đua vũ trang (Trung Đông chiếm 8/25 quốc gia nhập khẩu vũ khí lớn nhất thế giới giai đoạn 2018-2022) góp phần định hình trật tự thế giới đa cực, với vai trò ngày càng tăng của Trung Quốc và EU. Những thay đổi này không chỉ làm suy yếu trật tự đơn cực của Mỹ mà còn lan tỏa bất ổn ra các khu vực khác như châu Âu và châu Á thông qua khủng bố và biến động kinh tế.

4.2. Dự báo xu hướng cạnh tranh chiến lược Nga - Mỹ trong tương lai gần

4.2.1. Cơ sở dự báo

Thứ nhất, xu hướng địa chính trị toàn cầu và sự phát triển của khoa học công nghệ. Thứ hai, tình hình an ninh khu vực. Thứ ba, chính sách đối ngoại của Nga và Mỹ.

4.2.2. Kịch bản dự báo

Dựa trên tình hình chính trị, kinh tế và an ninh hiện tại, luận án cũng đã đề xuất ba kịch bản dự báo về cạnh tranh: (1) tiếp tục cạnh tranh gay gắt

nếu xung đột Ukraine kéo dài, (2) hợp tác có chọn lọc nếu giữa các bên có thỏa thuận về chống khủng bố hoặc giá dầu, và (3) sự trỗi dậy của các cường quốc khác trong khu vực.

4.3. Hàm ý cho quốc gia trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược

4.3.1. Hàm ý cho nước trong quá trình cạnh tranh nước lớn

Các quốc gia nhỏ, có thể tận dụng cơ hội đa dạng hóa đối tác và tăng đòn bẩy ngoại giao, nhưng cần tránh rủi ro bị cuốn vào xung đột. Đầu tiên, các nước nhỏ cần duy trì chính sách đối ngoại độc lập và linh hoạt. Thứ hai, các quốc gia cần tiếp tục duy trì đa dạng hoá quan hệ kinh tế để giảm sự phụ thuộc vào một cường quốc nào. Thứ ba, tăng cường hợp tác an ninh khu vực cũng là một trong những vấn đề trọng tâm để tránh nguy cơ bất ổn từ ảnh hưởng của cạnh tranh chiến lược Nga - Mỹ trong khu vực. Cuối cùng, các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới cần phát triển năng lực tự chủ về quốc phòng và công nghệ.

4.3.2. Hàm ý cho Việt Nam

Đầu tiên, Việt Nam có thể tiếp tục duy trì chính sách “đa phương hóa, đa dạng hóa” với các quốc gia trên toàn thế giới. Thứ hai, đa dạng hóa các đối tác kinh tế nhằm giúp nước ta có thể giảm phụ thuộc vào một thị trường nhất định. Thứ ba, Việt Nam cần chủ động tăng cường hợp tác an ninh khu vực và quốc tế. Thứ tư, đầu tư vào công nghệ và quốc phòng để tăng cường tự chủ có thể được chú trọng nhiều hơn trong bối cảnh sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo. Cuối cùng, Việt Nam có thể áp dụng các chiến lược xây dựng chiến lược ngoại giao mềm dẻo và linh hoạt để duy trì quan hệ tốt đẹp với các cường quốc lớn.

KẾT LUẬN

Luận án “Cạnh tranh chiến lược Nga - Mỹ tại Trung Đông từ năm 2000 đến năm 2024” đã phân tích một cách toàn diện về mối quan hệ đối đầu chiến lược giữa Liên bang Nga và Mỹ tại một khu vực có tầm quan trọng địa chính trị hàng đầu. Bằng cách kết hợp lý thuyết chủ nghĩa hiện thực cấu trúc với các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, nghiên cứu không chỉ làm rõ bản chất phức tạp của cuộc cạnh tranh này mà còn góp phần đưa ra được sự vận động cùng những hệ quả đa chiều đối với các bên liên quan. Trung Đông, với vị trí địa chiến lược then chốt và nguồn tài nguyên năng lượng phong phú, đã trở thành đấu trường trung tâm của sự đối đầu Nga - Mỹ. Cuộc cạnh tranh này được thúc đẩy bởi tham vọng khôi phục vị thế siêu cường toàn cầu của Nga sau thời kỳ suy yếu hậu Liên Xô và nỗ lực duy trì bá quyền của Mỹ trong bối cảnh trật tự đơn cực bị thách thức. Những động lực này không chỉ phản ánh logic cốt lõi của chủ nghĩa hiện thực - tối đa hóa quyền lực và bảo vệ lợi ích quốc gia - mà còn định hình cục diện khu vực theo hướng ngày càng phức tạp.

Sự đối đầu giữa hai cường quốc được phân tích qua các khía cạnh chính trị, kinh tế và an ninh - quân sự và cả khoa học công nghệ, qua đó cho thấy sự cạnh tranh đa chiều tại Trung Đông. Trong lĩnh vực chính trị, chính quyền Washington duy trì ảnh hưởng thông qua các liên minh lâu dài với Israel và các quốc gia Vùng Vịnh, trong khi Nga xây dựng trục đối trọng với Iran và Syria, làm sâu sắc thêm sự phân cực khu vực. Về kinh tế, hai nước cạnh tranh quyết liệt trong việc kiểm soát thị trường năng lượng và thương mại vũ khí: Mỹ đảm bảo nguồn cung dầu mỏ ổn định cho phương Tây, còn Nga tận dụng hợp tác với các quốc gia chịu cấm vận để mở rộng ảnh hưởng và giảm áp lực trừng phạt. Ở khía cạnh an ninh - quân sự, Washington sở hữu mạng lưới căn cứ quân sự rộng khắp, trong khi Nga tăng cường hiện diện thông qua các căn cứ tại Syria và quan hệ quốc phòng với Iran. Sự cạnh tranh trong lĩnh vực công nghệ không gian và an ninh mạng giữa Nga và Mỹ phản

ánh quyết tâm bá quyền của mỗi cường quốc đồng thời xác định vị thế của các quốc gia Trung Đông trong bối cảnh toàn cầu hóa đang diễn ra. Những tương tác này không chỉ gia tăng nguy cơ leo thang xung đột mà còn tạo ra sự ổn định chiến lược ở một số khía cạnh thông qua cân bằng quyền lực, đồng thời làm trầm trọng thêm các cuộc khủng hoảng hiện có trong khu vực.

Trong giai đoạn 2000–2024, cạnh tranh chiến lược Nga – Mỹ tại Trung Đông không chỉ tạo ra các kết quả cụ thể về phân bố ảnh hưởng, mà còn tác động trở lại chính quá trình cạnh tranh giữa hai cường quốc này. Việc hai bên liên tục điều chỉnh hiện diện quân sự, mạng lưới liên minh và công cụ kinh tế – năng lượng ở Trung Đông đã từng bước đẩy cạnh tranh từ mức hạn chế lên mức gay gắt nhưng được kiểm soát, làm cho quan hệ Nga – Mỹ chuyển sang dạng cạnh tranh dài hạn, có cấu trúc và được “quản lý” bằng các lần ranh đở, cơ chế tránh va chạm và kênh đối thoại tối thiểu. Nói cách khác, chính quá trình cạnh tranh tại Trung Đông đã góp phần định hình lại cách Nga và Mỹ nhìn nhận nhau, xác định lợi ích, lựa chọn chiến lược và thiết kế quy tắc ứng xử, qua đó củng cố một quỹ đạo cạnh tranh chiến lược ổn định nhưng khó đảo ngược giữa hai bên. Các quốc gia Trung Đông, trong khi đối mặt với bất ổn chính trị và xung đột gia tăng, cũng tận dụng sự đối đầu này để tối đa hóa lợi ích riêng, như Saudi Arabia hay Qatar đã thể hiện. Trên bình diện toàn cầu, cạnh tranh Nga - Mỹ thúc đẩy chạy đua vũ trang và góp phần hình thành trật tự thế giới đa cực, đặc biệt khi Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng qua các sáng kiến như “Vành đai và Con đường”. Dự báo trong tương lai, sự cạnh tranh này sẽ tiếp diễn trong một môi trường địa chính trị phức tạp hơn, chịu ảnh hưởng từ công nghệ mới và sự trỗi dậy của các cường quốc khu vực.

Nghiên cứu không chỉ có ý nghĩa lý thuyết mà còn mang giá trị thực tiễn to lớn. Về lý thuyết, luận án làm phong phú hiểu biết về cạnh tranh nước lớn trong quan hệ quốc tế hiện đại, nhấn mạnh vai trò của yếu tố cấu trúc trong định hình hành vi quốc gia. Về thực tiễn, nghiên cứu cung cấp cơ sở

khoa học để dự báo xu hướng và định hướng chính sách, đặc biệt đối với các quốc gia nhỏ như Việt Nam. Với vị trí địa chiến lược tại châu Á - Thái Bình Dương, Việt Nam có thể học hỏi từ Trung Đông để xây dựng chiến lược cân bằng giữa các cường quốc, tối ưu hóa lợi ích trong hợp tác quốc tế. Hướng nghiên cứu tương lai có thể tập trung vào tác động của công nghệ như trí tuệ nhân tạo, vai trò của các cường quốc khu vực như Thổ Nhĩ Kỳ và Iran, hoặc khả năng hợp tác Nga - Mỹ trong các vấn đề toàn cầu. Qua đó, luận án không chỉ phản ánh động lực cạnh tranh tại Trung Đông mà còn đóng góp vào việc hiểu rõ hơn những biến đổi sâu rộng của quan hệ quốc tế đương đại.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Lê Thị Ánh Tuyết (2022), “Sự điều chỉnh chính sách của Mỹ đối với Trung Đông dưới thời Tổng thống Donald Trump”, *Tạp chí Khoa học trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh*.
2. Nguyễn Minh Mẫn, Lê Thị Ánh Tuyết (2023), “Cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc trong khai thác năng lượng kỹ thuật cao tại Trung Đông hai thập kỷ đầu thế kỷ XXI”, *kỷ yếu Cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc trong lĩnh vực công nghệ cao*, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn - Khoa Quan hệ quốc tế, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam - Viện nghiên cứu châu Mỹ, ngày 26 tháng 11 năm 2022, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, TP.HCM, tr.300 - 313.
3. Le Thi Anh Tuyet (2024), “Russian Federation Republic’s diplomatic activities toward Middle Eastern countries to overcome the crisis caused by the U.S. and Western sanctions (2014-present)”, *Second international conference on the issues of social sciences and humanities*, pp.412-423, Vietnam national University Press, Hanoi.
4. Le Thi Anh Tuyet (2025), “U.S. Policy in the Israel-Palestine conflict under president Joe Biden (2021-2024)”, *Third international conference on the issues of social sciences and humanities*, Vol.1, pp.480-492, Vietnam national University Press, Hanoi.
5. Le Thi Anh Tuyet (2025), “The impact of Russia-U.S. strategic competition on economic and political alliances in the Indo-Pacific region”, *International conference proceedings Opportunities and challenges to the stability and development of the Indo-Pacific region*, pp.84-104, The Gioi Publishers, Hanoi.